

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/DS-ST
Ngày: 16/8/2017
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự “vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Cẩm Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Cương

2. Bà Nguyễn Thị Tiến Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung là thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2017/TLST - DS ngày 26 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự “vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm: 1961 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T.T, huyện A.M, tỉnh Kiên Giang.

*** Bị đơn:** Anh **Lê Văn X**, sinh năm: 1989. (Có mặt)

Chị **Võ Thị B**, sinh năm: 1986 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T.T, huyện A.M, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày: Từ trước năm 2014, vợ chồng anh Lê Văn X và chị Võ Thị B có hỏi vay tiền của tôi nhiều lần về để cân tôm, tính đến ngày 15/11/2015 (âm lịch) 02 bên cộng số nợ lại thì anh X và chị B còn nợ tôi số tiền gốc là 65.000.000đồng. Sau đó, vợ chồng X và B hứa trả cho tôi mỗi tháng là 3.000.000 đồng nhưng chỉ trả được cho tôi 12 lần với số tiền là 16.500.000đồng, còn lại số tiền 48.500.000đồng thì chị B có xác nhận vào ngày 01/9/2016 trong tờ giấy ghi nợ tôi cung cấp cho Tòa án.

Đến ngày 25/12/2016, chị B có gửi trả thêm cho tôi được 1.000.000đồng, số tiền gốc còn lại là 47.500.000đồng thì đến nay anh X và chị B không trả nữa.

Hiện nay, anh X và chị B đi làm ăn hàng ngày ngang qua nhà tôi, kinh tế cũng

có nhưng không nói gì với tôi về số nợ này và khi tôi gọi điện thoại thì không nghe máy nên tôi khởi kiện.

Nay, tại phiên tòa tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Lê Văn X và chị Võ Thị B phải trả cho tôi 01 lần số tiền 47.500.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*), tôi không yêu cầu tính lãi.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Văn X trình bày:* Tôi xác nhận trước đây vợ chồng tôi có hỏi vay tiền của bà Kim L nhiều lần và hiện nay vợ chồng tôi còn nợ lại bà Kim L số tiền là 47.500.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) và cũng đồng ý trả số tiền nợ này cho bà Kim L, nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không thể trả theo yêu cầu của bà L được. Vợ chồng tôi xin hẹn đến khi nào vợ chồng tôi làm có tiền thì sẽ trả cho bà L.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Võ Thị B trình bày:* Tôi xác nhận trước đây vợ chồng tôi có hỏi vay tiền của bà Kim L nhiều lần. Số tiền gốc là 47.500.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) hiện nay vợ chồng tôi còn nợ lại bà L là do từ năm 2012, vợ chồng tôi có hỏi vay tiền của bà L, cứ 01 triệu đồng thì lãi mỗi tháng là 150.000 đồng. Vợ chồng tôi hỏi rất nhiều lần và đến tháng 12/2014 giữa vợ chồng tôi và bà L chốt nợ là vợ chồng tôi còn nợ bà L số tiền gốc là 65.000.000 đồng.

Từ tháng 01/2015 đến 12/2015, tôi trực tiếp trả tiền lãi cho bà L với số tiền là 97.500.000 đồng (cứ 10 ngày là trả 3.250.000 đồng), sau đó tôi không trả nữa.

Từ ngày 15/11/2015 đến tháng 12/2016, tôi trả được số tiền gốc là 17.500.000 đồng. (Có khi trả 01 triệu, có khi trả 500.000 đồng). Số tiền gốc còn lại là 47.500.000 đồng đến nay vợ chồng tôi vẫn chưa trả.

Những lần tôi trả tiền gốc thì giữa tôi và bà L có ghi vào giấy nhưng những lần tôi trả tiền lãi thì không có làm giấy tờ gì. Nên không có gì để chứng minh.

Tôi xác nhận, hiện nay vợ chồng tôi còn nợ lại bà Kim L số tiền gốc là 47.500.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) và cũng đồng ý trả số tiền nợ này cho bà Kim L, nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không thể trả 01 lần theo yêu cầu của bà L được. Vợ chồng tôi xin hẹn đến khi nào vợ chồng tôi làm có tiền thì sẽ trả cho bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (gọi tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L đối với anh Lê Văn X và chị Võ Thị B theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Quan hệ pháp luật xảy ra tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Kim L với anh Lê Văn X và chị Võ Thị B là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự “vay tài sản”.

[2] *Về nội dung trong vụ án:* HĐXX xét thấy, từ trước năm 2014, bà Kim L có cho vợ chồng anh Lê Văn X và chị Võ Thị B vay nhiều lần, tính đến ngày 15/11/2015 (âl) 02 bên cộng số nợ lại thì số tiền gốc anh X và chị B còn nợ lại bà Kim L là 65.000.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu đồng*), sau khi tính toán anh X và chị B có trả được cho bà Kim L nhiều lần tính đến ngày 25/12/2016, anh X và chị B còn nợ lại bà Kim L số tiền gốc là 47.500.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) cho đến nay anh X và chị B không trả thêm được khoản nào nên bà Kim L khởi kiện.

2.1 HĐXX xét thấy, việc bà Kim L cho anh X và chị B vay nhiều lần và hiện nay anh X và chị B xác nhận còn nợ bà Kim L số tiền là 47.500.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) là có thật và tại phiên tòa bà Kim L yêu cầu anh Lê Văn X và chị Võ Thị B trả cho bà 01 lần số tiền 47.500.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) là có căn cứ chấp nhận. Bởi vì anh X và chị B xác nhận hiện nay còn nợ bà L số tiền 47.500.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) đến nay chưa có khả năng trả.

2.2 Xét lời khai nại của bị đơn anh X và chị B, cho rằng hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vợ chồng anh chị xin hẹn đến khi nào làm có tiền thì anh chị sẽ trả cho bà L. HĐXX xét thấy, cách thức và thời gian trả nợ của anh X và chị B là kéo dài thời gian làm thiệt thời quyền lợi của bà Kim L và tại phiên tòa bà Kim L cũng không đồng ý theo yêu cầu trả nợ của anh X và chị B. Ngoài ra, Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án nên HĐXX không có cơ sở xem xét. Do đó, cần buộc anh Lê Văn X và chị Võ Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Kim L số tiền 47.500.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) khi án có hiệu lực pháp luật.

2.3 Về phần tiền lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L xác nhận không yêu cầu tính lãi và bị đơn là anh Lê Văn X, chị Võ Thị B xác nhận phần tiền lãi đã đóng cho bà Kim L không có chứng cứ gì để chứng minh, đồng thời bà Kim L cho rằng số tiền lãi mà anh X và chị B trả cho bà 97.500.000 đồng là hoàn toàn không có nên HĐXX không có căn cứ để xem xét.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

- Buộc anh Lê Văn X và chị Võ Thị B phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà Kim L là $47.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 2.375.000 \text{ đồng}$ (*Hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

- Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim L được chấp nhận nên hoàn trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 1.187.500 đồng (*Một triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) theo lai thu số 0000387 ngày 23/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

[4] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc anh Lê Văn X và chị Võ Thị B trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 47.500.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Kim L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lê Văn X và chị Võ Thị B không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng anh Lê Văn X và chị Võ Thị B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí có giá ngạch:

- Buộc anh Lê Văn X và chị Võ Thị B phải chịu án phí là 2.375.000 đồng (*Hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

- Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 1.187.500 đồng (*Một triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) theo lai thu số 0000387 ngày 23/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. (Ngày 16/8/2017)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân

Sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh KG;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trịnh Thị Cẩm Linh